

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU VỈ THUỐC
VỈ 10 VIÊN NÉN

DBC: Viên nén (vỉ bấm)
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 22-06-2017

Nhãn trực tiếp trên đơn vị đóng gói nhỏ nhất



TP. Vĩnh Long, ngày 28 tháng 4, năm 2016

Cơ sở xin đăng ký
KT. Tổng Giám Đốc
P. Tổng Giám Đốc

ĐS. Lưu Quế Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU HỘP THUỐC
HỘP 3 VỈ x 10 VIÊN NÉN VỈ BẮM

DBC: Viên nén
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trung gian



TP. Vĩnh Long, ngày 27. tháng 11. năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc



ĐS. Lưu Quế Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU VỈ THUỐC
VỈ 10 VIÊN NÉN

DBC: Viên nén (vỉ alufilm)
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trực tiếp trên đơn vị đóng gói nhỏ nhất



TP. Vĩnh Long, ngày 4. tháng 11. năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc


ĐS. Lưu Quốc Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU HỘP THUỐC
HỘP 3 VỈ x 10 VIÊN NÉN ALUFILM

DBC: Viên nén
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trung gian



TP. Vĩnh Long, ngày 29 tháng 11 năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT, Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc

ĐS. Lưu Quốc Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU HỘP THUỐC
HỘP 5 VỈ x 10 VIÊN NÉN

DBC: Viên nén
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trung gian



TP. Vinh Long, ngày 28 tháng 11 năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

K.T. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc

ĐS. Lưu Quốc Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỦU LONG

MẪU HỘP THUỐC
HỘP 10 VỈ x 10 VIÊN NÉN

DBC: Viên nén
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trung gian



TP. Vinh Long, ngày 09 tháng 11 năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc


ĐS. Lưu Quốc Minh

CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

MẪU HỘP THUỐC
HỘP 20 VỈ x 10 VIÊN NÉN

DBC: Viên nén
Mã số: DCL-ĐKM-GYL1
Số ĐK: VD-10145-10
TPVL: 25 - 11 - 2016

Nhãn trung gian

Rx THUỐC BÁN THEO ĐƠN GMP-WHO Enalapril VPC 10 Enalapril maleat 10 mg Hộp 20 vỉ x 10 viên nén	
Rx PRESCRIPTION DRUG GMP-WHO Enalapril VPC 10 Enalapril maleate 10 mg Box of 20 blisters x 10 tablets	THÀNH PHẦN: Enalapril maleat 10 mg Excipients q.s. 1 viên CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG, THẬN TRỌNG LÚC DÙNG, TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN Các thông tin khác xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc. BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30° C, tránh ánh sáng. Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. SĐK: ... Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS. VPC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG PHARMEXCO 150 đường 14/9 - Phường 5 - Tp Vinh Long - Việt Nam Số lô SX: ... Ngày SX: ... Hạn dùng: ...
Rx THUỐC BÁN THEO ĐƠN GMP-WHO Enalapril VPC 10 Enalapril maleat 10 mg Hộp 20 vỉ x 10 viên nén	COMPOSITION: Each tablet contains: Enalapril maleate 10 mg Excipients q.s. 1 tablet INDICATIONS, CONTRA-INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION, PRECAUTIONS, ADVERSE EFFECTS : See the package insert. STORAGE: Store in a dry place, below 30° C Protected from light. Keep out of reach of children. Analysis specifications : Manufacturer's CỬU LONG PHARMACEUTICAL JOINT-STOCK CORPORATION 150 - 14/9 St - Ward 5 - Vinh Long - City - Vietnam

TP. Vinh Long, ngày 28 tháng 11 năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc

ĐS. Lưu Quốc Minh

CÔNG TY
CÔNG PHẦN DƯỢC PHẨM
CỬU LONG

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Mã số: DCL-ĐKM-GYL1

Số ĐK: VD-10145-10

TPVL: 25 - 11 - 2016

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

GMP-WHO

Rx Thuốc bán theo đơn

ENALAPRIL VPC 10

Viên nén

THÀNH PHẦN:

Enalapril maleat.....10 mg

Tá dược vừa đủ..... 1 viên

(Tá dược gồm: Manitol, cellulose vi tinh thể, tinh bột mì, croscarmellose sodium, silicon dioxide, magnesi stearat)

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 3vi, 5vi, 10vi, 20vi x 10 viên nén

CHỈ ĐỊNH:

Tăng huyết áp.

Suy tim (giảm tử vong và biến chứng ở người suy tim có triệu chứng và người loạn năng thất trái không triệu chứng).

Sau nhồi máu cơ tim (huyết động học đã ổn định).

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG:

Cách dùng: dùng đường uống. Thuốc không bị ảnh hưởng bởi thức ăn

Liều dùng

Liều lượng của thuốc phải được điều chỉnh tùy theo từng cá thể.

Tăng huyết áp: Điều chỉnh liều theo đáp ứng về huyết áp của người bệnh

Liều khởi đầu: không khuyến cáo dùng chế phẩm này.

Liều duy trì thông thường từ 10 - 40 mg, uống 1 hoặc 2 lần trong ngày

Nếu huyết áp không được kiểm soát tốt bằng enalapril đơn độc có thể thêm một thuốc lợi tiểu

Suy tim: Liều duy trì thông thường trong suy tim sung huyết: 5-20 mg mỗi ngày, chia làm 2 lần. Liều tối đa khuyến cáo: 40 mg mỗi ngày, thường chia 2 lần

Suy chức năng thất trái không triệu chứng: điều chỉnh liều liên tục cho tới liều 20 mg/24 giờ.

Phải theo dõi huyết áp và chức năng thận chặt chẽ trước và sau khi bắt đầu điều trị để tránh hạ huyết áp nặng và suy thận. Nếu có thể, nên giảm liều thuốc lợi niệu trước khi bắt đầu điều trị bằng enalapril. Nên theo dõi nồng độ kali huyết thanh và điều chỉnh về mức bình thường.

Đã có trường hợp hạ huyết áp triệu chứng nặng sau khi dùng liều enalapril đầu tiên và có 2 - 3% số người trong thử nghiệm lâm sàng phải ngừng điều trị. Hạ huyết áp ban đầu thường không có nghĩa là tác dụng này sẽ duy trì trong suốt đợt điều trị.

Điều chỉnh liều trong suy thận: khuyến cáo dùng thuốc có hàm lượng và dạng bào chế phù hợp hơn

Điều chỉnh liều trong suy gan: Enalapril thủy phân thành enalaprilat có thể bị chậm, nhưng tác dụng dược lý không thay đổi, không cần điều chỉnh liều

Trẻ em: không khuyến cáo dùng chế phẩm này.

Hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Dị ứng hoặc quá mẫn với thuốc.

Phù mạch khi mới bắt đầu điều trị như các chất ức chế ACE nói chung.

Hẹp động mạch thận hai bên thận hoặc hẹp động mạch thận ở người chỉ có một thận.

Hẹp van động mạch chủ, và bệnh cơ tim tắc nghẽn nặng.

Hạ huyết áp có trước.

THẬN TRỌNG:

Phải thận trọng khi dùng thuốc ức chế ACE ban đầu cho người đang dùng thuốc lợi tiểu vì có thể gây tụt huyết áp

Người có bệnh mạch máu ngoại biên hoặc xơ vữa động mạch toàn thể do có nguy cơ bị bệnh mạch thận không có biểu hiện (nguy cơ gây suy thận tiến triển, nặng)

Có nguy cơ mất bạch cầu hạt khi dùng thuốc ức chế ACE cho người bị bệnh collagen mạch máu. Phải theo dõi số lượng bạch cầu.

Người bị hẹp động mạch chủ nặng (nguy cơ giảm huyết áp nặng) hoặc bị bệnh cơ tim phì đại.

Người có bệnh sử phù mạch di truyền hoặc vô căn, phản ứng phản vệ (trong khi thẩm phân dùng màng polyacrylonitril hoặc trích rút lipoprotein tỷ trọng thấp dùng dextran sulfat, phải ngừng thuốc ức chế ACE)

Người suy giảm chức năng thận.

Đối với người nghi bị hẹp động mạch thận, cần phải định lượng creatinin máu trước khi bắt đầu điều trị.

THỜI KỲ MANG THAI

Giống các chất ức chế ACE khác, enalapril có thể gây bệnh và tử vong cho thai nhi và trẻ sơ sinh khi người mẹ mang thai sử dụng thuốc.

Sử dụng thuốc trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối của thai kỳ có thể gây bệnh dẫn đến chết thai và tổn thương cho trẻ sơ sinh, gồm: Hạ huyết áp, giảm sản sơ sinh, suy thận hồi phục hoặc không hồi phục và tử vong.

Phải ngừng dùng enalapril càng sớm càng tốt sau khi phát hiện có thai.

THỜI KỲ CHO CON BÚ

Enalapril bài tiết vào sữa mẹ. Với liều điều trị thông thường, nguy cơ về tác dụng có hại cho trẻ bú sữa mẹ rất thấp.

ẢNH HƯỞNG LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Do thuốc có thể gây chóng mặt, hạ huyết áp trong thời gian điều trị, nên người sử dụng thuốc phải thận trọng khi lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Thuốc lợi tiểu và thuốc làm hạ huyết áp

Sử dụng enalapril đồng thời với một số thuốc giãn mạch khác (ví dụ nitrat) hoặc các thuốc gây mê có thể gây hạ huyết áp trầm trọng. Bởi vậy trong trường hợp đó nên theo dõi người bệnh chặt chẽ và điều chỉnh bằng thể tích tuần hoàn (truyền dịch).

Sử dụng enalapril đồng thời với thuốc lợi tiểu thính thoảng có thể gây hạ huyết áp quá mức sau khi bắt đầu điều trị với enalapril. Trong trường hợp đó nên ngừng dùng thuốc lợi tiểu hoặc tăng dùng muối lên trước khi bắt đầu điều trị với enalapril.

Sử dụng enalapril đồng thời với các thuốc làm giảm huyết áp gây giải phóng renin (thí dụ thuốc lợi tiểu): Tác dụng hạ huyết áp của enalapril tăng lên bởi các thuốc gây giải phóng renin có tác dụng chống tăng huyết áp.

Thuốc làm tăng kali huyết

Sử dụng enalapril đồng thời với các thuốc làm tăng kali huyết thanh, ví dụ khi sử dụng đồng thời enalapril với các thuốc lợi niệu giữ kali, các chất bổ sung kali hoặc muối chứa kali, có thể gây tăng kali huyết thanh, đặc biệt ở người suy thận, do đó nên theo dõi người bệnh chặt chẽ và thường xuyên theo dõi nồng độ kali huyết.

Lithi

Sử dụng enalapril đồng thời với lithi có thể làm tăng nồng độ lithi huyết dẫn đến nhiễm độc lithi.

Thuốc chống viêm không steroid:

Sử dụng enalapril đồng thời với các thuốc chống viêm không steroid (NSAID) có thể làm giảm tác dụng hạ huyết áp của enalapril, đôi khi dẫn đến giảm cấp chức năng thận.

Tuy nhiên, mỗi thuốc riêng lẻ cũng có thể gây tác dụng này. Ngoài ra, aspirin và các thuốc chống viêm không steroid khác cũng có thể làm giảm tác dụng huyết động (chống suy tim) của các thuốc ức chế ACE. Aspirin và các thuốc NSAID khác đã tương tác với các cơ chế bù về huyết động trong suy tim hơn là tương tác với bản thân thuốc ức chế ACE. Nghiên cứu ở một số trung tâm cho thấy phối hợp thuốc ức chế ACE với một NSAID (thí dụ aspirin liều đơn 350 mg) cho người bệnh suy tim sung huyết đã làm giảm tác dụng tốt của các thuốc này về tử vong và bệnh lý tim mạch. Người bệnh suy tim cần điều trị lâu dài nên tránh phối hợp thuốc ức chế ACE với aspirin và có thể thay thế aspirin bằng một thuốc ức chế ngưng kết tập tiểu cầu khác (thí dụ như clopidogrel, ticlopidin). Các dữ liệu hiện có chưa đủ để khuyến cáo thay đổi dùng aspirin.

Thuốc tránh thai: Sử dụng enalapril đồng thời với các thuốc tránh thai gây tăng nguy cơ tổn thương mạch và khó kiểm soát huyết áp.

Các thuốc khác: Sử dụng enalapril đồng thời với các thuốc chẹn beta - adrenergic, methyl dopa, các nitrat, thuốc chẹn calci, hydralazin, prazosin, và digoxin không cho thấy tác dụng phụ có ý nghĩa lâm sàng.

Enalapril có thể làm giảm nồng độ glucose huyết lúc đói ở người không bị đái tháo đường và có thể gây hạ glucose huyết ở người đái tháo đường đã được kiểm soát bằng insulin hoặc thuốc uống chống đái tháo đường. Cần nghiên cứu thêm về tác dụng giảm glucose huyết của enalapril.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

ADR thường nhẹ và thoáng qua, nhưng có khoảng 3% đến 6% người dùng thuốc phải ngừng điều trị.

Đã có biểu hiện hạ huyết áp triệu chứng khá nặng sau khi dùng liều enalapril đầu tiên; có đến 2 - 3% số người trong các thử nghiệm lâm sàng phải ngừng điều trị, đặc biệt với những người suy tim, hạ natri huyết, và với người cao tuổi được điều trị đồng thời với thuốc lợi tiểu.

Ở người suy tim sung huyết thường xuất hiện hạ huyết áp triệu chứng, chức năng thận xấu đi và tăng nồng độ kali huyết thanh, đặc biệt trong thời gian đầu dùng enalapril ở người điều trị đồng thời với thuốc lợi tiểu.

Chức năng thận xấu đi (tăng nhất thời ure và tăng nồng độ creatinin huyết thanh) đã xảy ra ở khoảng 20% người tăng huyết áp do bệnh thận, đặc biệt ở những người hẹp động mạch thận hai bên hoặc hẹp động mạch thận ở người chỉ có một thận.

Thường gặp, ADR > 1/100

Hệ thần kinh: Nhức đầu, chóng mặt, mệt mỏi, mất ngủ, dị cảm, loạn cảm.

Tiêu hóa: Rối loạn vị giác, ỉa chảy, buồn nôn, nôn và đau bụng.

Tim mạch: Phù mạch, hạ huyết áp nặng, hạ huyết áp tư thế đứng, ngất, đánh trống ngực, và đau ngực.

Da: Phát ban.

Hô hấp: Ho khan, có thể do tăng kinin ở mô hoặc prostaglandin ở phổi.

Khác: Suy thận.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Huyết học: Giảm hemoglobin và hematocrit, giảm bạch cầu hạt, giảm bạch cầu trung tính.

Niệu: Protein niệu.

Hệ thần kinh trung ương: Hốt hoảng, kích động, trầm cảm nặng.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Tiêu hóa: Tắc ruột, viêm tụy, viêm gan nhiễm độc ứ mật, tăng cảm niêm mạc miệng.

Khác: Quá mẫn, trầm cảm, nhìn mờ, ngạt mũi, đau cơ, co thắt phế quản và hen.

Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc ĐƯỢC LỢI HỢC:

Enalapril là thuốc ức chế men chuyển angiotensin, có tác dụng nhờ enalaprilat là chất chuyển hóa của enalapril sau khi uống. Enalapril làm giảm huyết áp ở người huyết áp bình thường, người tăng huyết áp, và có tác dụng tốt đến huyết động ở người suy tim sung huyết, chủ yếu do ức chế hệ renin - angiotensin - aldosteron. Enalapril ngăn cản angiotensin I chuyển thành angiotensin II (chất gây co mạch mạnh) nhờ ức chế men chuyển angiotensin (ACE). Enalapril cũng làm giảm aldosteron huyết thanh dẫn đến giảm giữ natri, làm tăng hệ giãn mạch kallikrein - kinin và có thể làm thay đổi chuyển hóa chất prostanoid và ức chế hệ thần kinh giao cảm. Vì enzym chuyển đổi angiotensin giữ một vai trò quan trọng phân hủy kinin, nên enalapril cũng ức chế phân hủy bradykinin. Vì bradykinin cũng là 1 chất gây giãn mạch mạnh, hai tác dụng này của enalapril có thể giải thích tại sao không có mối liên quan tỷ lệ thuận giữa nồng độ renin và đáp ứng lâm sàng với điều trị enalapril.

ở người tăng huyết áp, enalapril làm giảm huyết áp bằng cách làm giảm sức cản toàn bộ ngoại vi kèm theo tăng nhẹ hoặc không tăng tần số tim, lưu lượng tâm thu hoặc lưu lượng tim. Thuốc gây giãn động mạch và có thể cả tĩnh mạch. Enalapril thường làm giảm huyết áp tâm thu và tâm trương khoảng 10 - 15% ở cả hai tư thế nằm và ngồi. Hạ huyết áp tư thế đứng và nhịp tim nhanh ít khi xảy ra, nhưng thường hay gặp hơn ở người giảm natri máu hoặc giảm thể tích máu.

Ở người suy tim sung huyết, enalapril, thường phối hợp với glycosid tim và thuốc lợi tiểu, làm giảm sức cản toàn bộ ngoại vi, áp lực động mạch phổi bất, kích thích tim, và áp lực động mạch trung bình và áp lực

nhĩ phải. Chỉ số tim, cung lượng tim, thể tích tâm thu và dung nạp gắng sức gia tăng. Enalapril giảm hậu gánh bị tăng cao. Phi đại thất trái giảm sau 2 - 3 tháng dùng thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin, vì angiotensin II là 1 chất kích thích mạnh tăng trưởng cơ tim.

Lưu lượng máu thận có thể tăng, nhưng độ lọc cầu thận thường không đổi trong quá trình điều trị bằng enalapril. Nitor ure máu (BUN) và creatinin huyết thanh đôi khi tăng khi điều trị bằng enalapril lâu dài, nhưng hay gặp hơn ở người có tổn thương thận từ trước hoặc ở người tăng huyết áp do mạch thận. Ngoài ra, chức năng thận có thể xấu đi rõ rệt trong khi điều trị bằng thuốc ức chế ACE ở người có thận tưới máu kém bị nặng từ trước.

ở người đái tháo đường, enalapril đã chứng tỏ làm giảm bài tiết protein - niệu. Enalapril cũng đã chứng tỏ làm tăng độ nhạy cảm với insulin ở người tăng huyết áp bị hoặc không bị đái tháo đường. Enalapril không làm giảm chuyển hóa lipid bất cứ mức độ nào.

ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi uống, khoảng 60% liều enalapril được hấp thu từ đường tiêu hóa. Nồng độ đỉnh của thuốc trong huyết thanh đạt được trong vòng 0,5 - 1,5 giờ. Nửa đời thải trừ của thuốc khoảng 11 giờ. Tác dụng huyết động học kéo dài khoảng 24 giờ. Thức ăn không ảnh hưởng tới hấp thu thuốc. Sau khi hấp thu, enalapril được thủy phân nhiều ở gan thành enalaprilat. Nồng độ đỉnh của enalaprilat trong huyết thanh xuất hiện trong vòng 3 đến 4 giờ.

Uống một liều enalapril thường làm hạ huyết áp rõ khoảng 1 giờ sau khi uống, hạ tối đa trong 4 - 6 giờ và thường kéo dài trong vòng 12 - 24 giờ. Huyết áp có thể giảm từ từ và phải điều trị một số tuần mới đạt được tác dụng đầy đủ.

Tác dụng huyết động của enalapril bắt đầu chậm hơn và kéo dài hơn so với captopril. Ở người suy tim sung huyết, tác dụng huyết động của enalapril rõ trong vòng 2 - 4 giờ và có thể kéo dài 24 giờ sau khi uống một liều.

Khoảng 50 - 60% enalapril liên kết với protein huyết tương.

Khoảng 60% liều uống bài tiết vào nước tiểu ở dạng enalaprilat và dạng không chuyển hóa, phần còn lại của thuốc đào thải theo phân.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

Tài liệu về quá liều của enalapril ở người còn hạn chế. Đặc điểm nổi bật của quá liều enalapril là hạ huyết áp nặng. Khi quá liều xảy ra, nên ngừng điều trị bằng enalapril và theo dõi người bệnh chặt chẽ, áp dụng các biện pháp điều trị triệu chứng và hỗ trợ như gây nôn, rửa dạ dày, truyền tĩnh mạch huyết tương và natri clorid để duy trì huyết áp và điều trị mất cân bằng điện giải. Thẩm tách máu có thể loại enalapril khỏi tuần hoàn.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: Tiêu chuẩn cơ sở

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SỸ

NEU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SỸ

THÔNG BÁO CHO BÁC SỸ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC

VPC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

150 đường 14/9 - Phường 5 - Tp. Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long



TP. Vĩnh Long, ngày 4 tháng 4 năm 2016

Cơ sở xin đăng ký

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc



TUO CUC TRUONG
P. TRUONG PHONG

Đỗ Minh Hùng

KT. Tổng Giám Đốc

P. Tổng Giám Đốc